



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 18 tháng 2 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Nguyễn Minh Khoa
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Quyền Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 20-01-00179-20-2




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.655.101.526.991	7.355.652.364.016
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	379.875.597.063	288.707.713.172
Tiền	111		364.345.350.488	288.564.191.297
Các khoản tương đương tiền	112		15.530.246.575	143.521.875
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.266.043.836	76.250.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	1.266.043.836	76.250.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.303.056.271.115	1.339.263.670.053
Phải thu của khách hàng	131	9	1.019.451.469.418	1.049.450.621.720
Trả trước cho người bán	132	10	111.623.268.648	135.583.407.831
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	190.790.047.701	164.521.607.196
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.808.514.652)	(10.291.966.694)
Hàng tồn kho	140	12	5.009.203.766.026	4.547.528.637.193
Hàng tồn kho	141		5.081.441.830.694	4.599.379.745.104
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(72.238.064.668)	(51.851.107.911)
Tài sản ngắn hạn khác	150		961.699.848.951	1.103.902.343.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	126.205.030.242	99.299.504.104
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		834.790.871.817	997.416.186.710
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	703.946.892	7.186.652.784

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.328.288.293.060	9.869.786.099.023
Các khoản phải thu dài hạn	210		218.861.054.000	226.761.293.160
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	218.861.054.000	226.761.293.160
Tài sản cố định	220		8.040.704.977.587	8.642.006.807.601
Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.658.496.063.876	8.186.719.713.839
Nguyên giá	222		13.190.742.520.151	13.134.211.874.310
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.532.246.456.275)	(4.947.492.160.471)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	159.201.823.767	214.042.830.281
Nguyên giá	225		176.595.110.773	237.020.532.992
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.393.287.006)	(22.977.702.711)
Tài sản cố định vô hình	227	15	223.007.089.944	241.244.263.481
Nguyên giá	228		280.098.677.599	294.601.902.380
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.091.587.655)	(53.357.638.899)
Tài sản dở dang dài hạn	240		662.059.762.690	576.452.872.180
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	662.059.762.690	576.452.872.180
Đầu tư tài chính dài hạn	250		22.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	22.000.000.000	17.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		384.662.498.783	407.565.126.082
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	311.762.800.655	365.534.127.666
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	72.899.698.128	42.030.998.416
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		16.983.389.820.051	17.225.438.463.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.142.568.439.043	11.757.157.277.389
Nợ ngắn hạn	310		8.580.951.236.051	8.767.419.669.924
Phải trả người bán	311	19	1.175.398.281.224	1.379.160.194.955
Người mua trả tiền trước	312		83.082.721.429	101.394.195.074
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	179.256.184.455	83.658.990.877
Phải trả người lao động	314		37.181.777.379	62.992.350.003
Chi phí phải trả	315	21	208.179.359.090	124.968.889.487
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	822.262.954.743	263.879.077.110
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	6.028.827.162.070	6.706.463.172.987
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	46.762.795.661	44.902.799.431
Nợ dài hạn	330		2.561.617.202.992	2.989.737.607.465
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	2.557.677.232.132	2.986.131.853.215
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	3.230.470.860	2.896.254.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.840.821.381.008	5.468.281.185.650
Vốn chủ sở hữu	410	26	5.840.821.381.008	5.468.281.185.650
Vốn cổ phần	411	27	4.234.694.890.000	4.234.694.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.234.694.890.000	4.234.694.890.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(2.721.000.000)	(2.459.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		54.363.395.974	55.626.670.135
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.395.346.550.635	1.021.280.774.551
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.012.379.575.226	659.928.641.536
- LNST chưa phân phối trong kỳ	421b		382.966.975.409	361.352.133.015
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.554.360.878	7.554.667.443
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		16.983.389.820.051	17.225.438.463.039

Ngày 25 tháng 5 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyên
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	12.375.686.887.373	14.480.029.442.288
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	20.877.787.865	23.311.233.667
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	12.354.809.099.508	14.456.718.208.621
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	10.324.964.002.783	13.068.970.077.235
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.029.845.096.725	1.387.748.131.386
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	31.941.034.336	31.841.073.024
Chi phí tài chính	22	32	383.065.115.997	403.740.264.217
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>309.650.318.735</i>	<i>382.058.482.066</i>
Chi phí bán hàng	25	33	971.248.613.454	869.076.326.042
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	260.190.475.526	225.858.590.702
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		447.281.926.084	(79.085.976.551)
Thu nhập khác	31	35	14.121.376.402	248.553.795.923
Chi phí khác	32	36	9.552.074.686	21.160.367.318
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.569.301.716	227.393.428.605
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		451.851.227.800	148.307.452.054
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	99.753.258.668	45.297.448.858
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	38	(30.868.699.712)	(13.344.552.707)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		382.966.668.844	116.354.555.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		382.966.668.844	116.354.555.903
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		382.966.975.409	116.356.255.643
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(306.565)	(1.699.740)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	827	251

Ngày 25 tháng 5 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		451.851.227.800	148.307.452.054
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		616.012.527.645	563.663.248.452
Các khoản dự phòng	03		29.237.721.325	(10.372.155.559)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		23.890.883.215	(5.462.942.926)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(720.222.549)	(148.503.855.833)
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05		14.727.480.716	-
Chi phí lãi vay	06		309.650.318.735	382.058.482.066
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.444.649.936.887	929.690.228.254
Biến động các khoản phải thu	09		225.289.489.858	563.968.475.962
Biến động hàng tồn kho	10		(487.091.217.909)	2.089.785.012.111
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		536.730.990.337	463.829.956.218
Biến động chi phí trả trước	12		26.702.172.808	34.132.416.674
			1.746.281.371.981	4.081.406.089.219
Tiền lãi vay đã trả	14		(309.258.358.875)	(387.571.569.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.851.461.278)	(37.920.350.886)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.437.081.256)	(10.153.739.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.383.734.470.572	3.645.760.428.853

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(246.006.459.702)	(681.396.513.668)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.796.950.691	249.031.159.754
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(5.516.043.836)	(250.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	75.500.000.000	46.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(11.581.401.220)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.695.499.899	4.925.854.947
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(169.530.052.948)	(392.670.900.187)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(262.000.000)	(272.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	9.621.415.662.780	9.471.649.644.028
Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.720.867.296.535)	(12.803.057.142.060)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(31.246.022.101)	(41.862.677.622)
Tiền trả cổ tức	36	(22.299.100)	(171.530.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.130.981.954.956)	(3.373.713.706.554)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	83.222.462.668	(120.624.177.888)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	288.707.713.172	492.079.830.667
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	7.945.421.223	(1.069.950.259)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	379.875.597.063	370.385.702.520

Ngày 25 tháng 5 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyên
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn có 16 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2019: 16 công ty con, 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 31/3/2020 1/10/2019	
Công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Sản xuất sắt, thép và gang.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	Đầu tư cảng sông, cảng biển.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (*)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (*)	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/3/2020	1/10/2019
Công ty con (tiếp theo)			
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.	99%	99%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	95%	95%
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn có 6.886 nhân viên (1/10/2019: 6.637 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 925.850 triệu VND (1/10/2019: 1.411.767 triệu VND). Tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào Tập đoàn có đủ dòng tiền từ các hoạt động cũng như sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính của các tổ chức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc để cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như tiếp tục tìm thêm các nguồn tài chính cần thiết.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động hay Tập đoàn sẽ không được tiếp tục sử dụng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và các sản phẩm liên quan; Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 và ngày 1 tháng 10 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 và ngày 31 tháng 3 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020			
Doanh thu	8.345.397.551.725	4.009.411.547.783	12.354.809.099.508
Giá vốn	(6.484.015.226.703)	(3.840.948.776.080)	(10.324.964.002.783)
	1.861.382.325.022	168.462.771.703	2.029.845.096.725
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019			
Doanh thu	9.615.570.388.431	4.841.147.820.190	14.456.718.208.621
Giá vốn	(8.379.458.160.528)	(4.689.511.916.707)	(13.068.970.077.235)
	1.236.112.227.903	151.635.903.483	1.387.748.131.386

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Tiền mặt	17.456.101.430	43.581.002.435
Tiền gửi ngân hàng	239.750.864.871	243.158.329.276
Tiền đang chuyển (*)	107.138.384.187	1.824.859.586
Các khoản tương đương tiền (**)	15.530.246.575	143.521.875
	379.875.597.063	288.707.713.172

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, tiền đang chuyển chủ yếu liên quan đến khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương để thanh toán L/C, đã giải ngân và điều chuyển qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Trung tâm nhưng chưa nhận được trong tài khoản của Công ty.

(**) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,3% đến 4,8% (1/10/2019: 5%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là từ 6,3% đến 6,4% (1/10/2019: 5,3% đến 6,4%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn 750 triệu VND (1/10/2019: 75 tỷ VND) được ký quỹ tại Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh KCN Bình Dương thanh toán L/C.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành (***)	5.000.000.000	-
	22.000.000.000	17.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2019: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2019: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(***) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 6 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,25%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2020		1/10/2019		
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	49%	-	-	-	-

(**) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	253.774.585.117	13.384.000
Các khách hàng khác	765.676.884.301	1.049.437.237.720
	<u>1.019.451.469.418</u>	<u>1.049.450.621.720</u>

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2019: phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	253.774.585.117	13.384.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	19.800.000	19.800.000
	<u>273.574.585.117</u>	<u>33.184.000</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Trả trước cho người bán

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Sorin Corporation	15.248.151.504	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kinex Việt Nam	14.348.431.632	14.348.431.632
Các nhà cung cấp khác	82.026.685.512	121.234.976.199
	<u>111.623.268.648</u>	<u>135.583.407.831</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	47.057.291.152	43.061.645.310
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	-
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	31.348.158.000	21.348.158.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	42.120.398.217	48.608.966.594
Phải thu khác	11.983.200.332	6.040.612.292
	190.790.047.701	164.521.607.196

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.720.000.000	1.870.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	200.935.729.000	222.016.729.000
Phải thu khác	17.925.325.000	4.744.564.160
	218.861.054.000	226.761.293.160

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/3/2020		1/10/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	583.105.259.660	-	677.285.188.372	-
Nguyên vật liệu	1.190.965.074.707	(22.025.145.023)	810.129.847.544	(3.196.773.239)
Công cụ và dụng cụ	619.248.013.239	-	674.389.686.696	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	4.817.698	-
Thành phẩm	1.771.364.506.587	(41.646.238.723)	1.904.587.813.297	(40.109.352.098)
Hàng hóa	916.758.976.501	(8.566.680.922)	532.982.391.497	(8.544.982.574)
	5.081.441.830.694	(72.238.064.668)	4.599.379.745.104	(51.851.107.911)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.559.884 triệu VND (1/10/2019: 2.488.159 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 có 437.790 triệu VND nguyên vật liệu, 519.012 triệu VND thành phẩm và 107.612 triệu VND hàng hóa (1/10/2019: 172.695 triệu VND nguyên vật liệu, 484.357 triệu VND thành phẩm và 224.093 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Số dư đầu kỳ	51.851.107.911	40.691.706.865
Dự phòng trích lập trong kỳ	36.115.830.764	4.137.077.666
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(15.728.874.007)	(14.125.626.145)
Số dư cuối kỳ	72.238.064.668	30.703.158.386

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.446.810.631.951	10.173.108.549.352	412.675.421.363	74.566.896.721	27.050.374.923	13.134.211.874.310
Tăng trong kỳ	212.892.511	2.759.518.414	46.509.843	-	-	3.018.920.768
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.275.260.396	25.042.781.103	667.335.340	-	-	29.985.376.839
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	6.399.925.400	54.025.496.819	-	-	60.425.422.219
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	535.510.031	-	-	-	535.510.031
Phân loại lại	-	5.708.714.437	-	(5.708.714.437)	-	-
Thanh lý	-	(33.827.270.641)	(2.196.974.581)	-	-	(36.024.245.222)
Xóa sổ	-	(1.410.338.794)	-	-	-	(1.410.338.794)
Số dư cuối kỳ	2.451.298.784.858	10.178.317.389.302	465.217.788.784	68.858.182.284	27.050.374.923	13.190.742.520.151
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	563.091.144.114	4.128.553.570.400	200.630.701.973	33.762.296.721	21.454.447.263	4.947.492.160.471
Khấu hao trong kỳ	62.900.439.054	504.068.144.882	24.634.600.657	4.784.915.059	317.751.309	596.705.850.961
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	2.406.259.847	16.932.659.005	-	-	19.338.918.852
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	371.881.966	-	-	-	371.881.966
Phân loại lại	-	1.059.780.286	-	(1.059.780.286)	-	-
Thanh lý	-	(29.318.186.105)	(1.022.639.372)	-	-	(30.340.825.477)
Xóa sổ	-	(1.321.530.498)	-	-	-	(1.321.530.498)
Số dư cuối kỳ	625.991.583.168	4.605.819.920.778	241.175.322.263	37.487.431.494	21.772.198.572	5.532.246.456.275
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.883.719.487.837	6.044.554.978.952	212.044.719.390	40.804.600.000	5.595.927.660	8.186.719.713.839
Số dư cuối kỳ	1.825.307.201.690	5.572.497.468.524	224.042.466.521	31.370.750.790	5.278.176.351	7.658.496.063.876

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 863.687 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 (1/10/2019: 849.054 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 22.899 triệu VND (1/10/2019: 18.869 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 6.403.651 triệu VND (1/10/2019: 6.821.624 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	151.525.727.293	66.858.442.063	18.636.363.636	237.020.532.992
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.399.925.400)	(54.025.496.819)	-	(60.425.422.219)
Số dư cuối kỳ	145.125.801.893	12.832.945.244	18.636.363.636	176.595.110.773
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	6.481.723.299	14.423.003.074	2.072.976.338	22.977.702.711
Khấu hao trong kỳ	8.537.712.801	4.284.972.163	931.818.183	13.754.503.147
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.406.259.847)	(16.932.659.005)	-	(19.338.918.852)
Số dư cuối kỳ	12.613.176.253	1.775.316.232	3.004.794.521	17.393.287.006
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	145.044.003.994	52.435.438.989	16.563.387.298	214.042.830.281
Số dư cuối kỳ	132.512.625.640	11.057.629.012	15.631.569.115	159.201.823.767

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	247.710.409.765	46.891.492.615	294.601.902.380
Thanh lý	(12.685.000.000)	-	(12.685.000.000)
Xóa sổ	-	(1.818.224.781)	(1.818.224.781)
	235.025.409.765	45.073.267.834	280.098.677.599
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	37.616.564.694	15.741.074.205	53.357.638.899
Khấu hao trong kỳ	1.726.984.577	3.825.188.960	5.552.173.537
Xóa sổ	-	(1.818.224.781)	(1.818.224.781)
	39.343.549.271	17.748.038.384	57.091.587.655
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	210.093.845.071	31.150.418.410	241.244.263.481
Số dư cuối kỳ	195.681.860.494	27.325.229.450	223.007.089.944

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 (1/10/2019: 2.275 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 104.423 triệu VND (1/10/2019: 105.350 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	203.282.589.343	224.957.322.430
Xây dựng nhà máy	88.115.055.925	86.859.494.955
Xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	316.954.818.730	219.694.039.271
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	12.623.132.894	3.865.509.172
Các công trình khác	2.290.093.798	2.282.434.352
	662.059.762.690	576.452.872.180

Trong kỳ chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 10.126 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2019: 29.109 triệu VND, được xác định dựa trên tỷ lệ vốn hóa từ 5% đến 9%).

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Số dư đầu kỳ	576.452.872.180	1.512.774.341.255
Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong kỳ	-	26.839.374.200
Tăng trong kỳ	137.795.007.287	509.266.785.760
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.634.948.478
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.985.376.839)	(183.857.122.833)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.475.259.222)	(8.909.860.714)
Giảm khác (*)	-	(60.000.000.000)
Thanh lý	-	(476.066.951)
Xóa sổ	(14.727.480.716)	-
	662.059.762.690	1.797.272.399.195

(*) Giảm khác thể hiện khoản ứng trước tiền cho người bán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây tại nút giao IC12 xã Minh Quân và xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo số Quyết định số 2014/STNMT-VPĐK ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái được thu hồi lại trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Chi phí thuê	65.308.434.232	48.587.023.377
Chi phí quảng cáo	18.703.574.955	17.509.179.783
Công cụ và dụng cụ	24.754.961.874	18.409.533.006
Phí bảo hiểm	2.360.725.311	484.984.056
Chi phí sửa chữa	4.726.500.963	4.924.160.066
Chi phí tư vấn	3.830.449.216	640.750.877
Chi phí khác	6.520.383.691	8.743.872.939
	126.205.030.242	99.299.504.104

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	117.262.351.689	132.377.002.232
Chi phí thuê	58.560.781.825	71.457.221.006
Chi phí san lấp mặt bằng	77.438.933.760	78.277.621.218
Bảng hiệu quảng cáo	23.882.457.569	38.709.350.763
Chi phí sửa chữa	16.712.675.927	23.475.312.366
Chi phí khác	17.905.599.885	21.237.620.081
	311.762.800.655	365.534.127.666

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	365.534.127.666	475.698.024.116
Tăng trong kỳ	41.249.767.360	72.706.558.460
Chuyển (sang)/từ tài sản cố định hữu hình	(163.628.065)	710.604.748
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.475.259.222	8.909.860.714
Phân bổ trong kỳ	(102.332.725.528)	(126.935.565.988)
	311.762.800.655	431.089.482.050

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	42.359.578.438	21.926.066.092
▪ Chi phí phải trả	19.343.556.904	9.022.541.606
▪ Các khoản dự phòng	9.650.143.254	8.713.422.216
▪ Chênh lệch tỷ giá	-	559.610.798
▪ Khác	1.546.419.532	1.809.357.704
	72.899.698.128	42.030.998.416

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/3/2020	1/10/2019
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Samsung C&T Corporation	212.261.828.763	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Vương	119.319.364.779	30.000.000.000
Tata Steel Limited	-	462.568.569.213
Các nhà cung cấp khác	843.817.087.682	886.591.625.742
	1.175.398.281.224	1.379.160.194.955

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/3/2020	1/10/2019
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	631.930.146	5.931.497.565
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen		
Nghệ An	3.357.584.406	2.957.890.162

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại lại VND	31/3/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	76.622.874.045	3.920.932.329.294	(585.690.758.500)	(3.289.234.312.123)	901.855.929	123.531.988.645
Thuế xuất nhập khẩu	78.347.372	5.302.788.273	(5.201.858.405)	-	-	179.277.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.094.140.040	99.753.258.668	(44.851.461.278)	-	(6.455.835.840)	52.540.101.590
Thuế thu nhập cá nhân	2.785.578.830	14.199.845.812	(13.956.021.290)	-	(26.870.052)	3.002.533.300
Các loại thuế khác	78.050.590	2.652.365.936	(2.728.132.846)	-	-	2.283.680
	83.658.990.877	4.042.840.587.983	(652.428.232.319)	(3.289.234.312.123)	(5.580.849.963)	179.256.184.455

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2019 VND	Phân loại lại VND	31/3/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.108.371.598	(6.455.835.840)	652.535.758
Thuế thu nhập cá nhân	78.281.186	(26.870.052)	51.411.134
	7.186.652.784	(6.482.705.892)	703.946.892

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Chi phí dự phòng thuế	78.692.097.121	68.689.580.004
Chi phí lương và thưởng	85.212.067.968	22.458.770.000
Xây dựng cơ bản dở dang	15.080.531.989	21.579.861.989
Chi phí vận chuyển	9.344.024.000	-
Chi phí lãi vay	11.719.270.307	11.327.310.447
Chi phí tiền điện	354.654.101	242.293.646
Chi phí khác	7.776.713.604	671.073.401
	208.179.359.090	124.968.889.487

22. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	780.479.507.708	123.526.267.272
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	-	109.826.375.736
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.991.021.960	13.910.435.118
Cổ tức phải trả	4.247.322.425	4.402.225.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.804.978.755	1.953.755.850
Phải trả khác	17.740.123.895	10.260.017.609
	822.262.954.743	263.879.077.110

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.161.000.000	863.000.000

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/10/2019		31/3/2020	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.984.633.062.602	9.621.415.662.780	(10.354.729.843.991)	5.275.925.905.247
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	669.132.423.536	393.351.620.195	(352.036.077.818)	710.447.965.913
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	52.697.686.849	21.001.626.162	(31.246.022.101)	42.453.290.910
	6.706.463.172.987	10.035.768.909.137	(10.738.011.943.910)	6.028.827.162.070

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.357.482.400.380	1.994.915.518.201
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	464.796.206.045	129.916.416.765
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	608.407.144.845	1.567.097.214.485
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	790.296.333.081	54.253.608.247
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	661.086.479.129	252.269.997.400
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iv)	VND	-	395.058.324.455
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(v)	VND	673.429.851.999	589.496.289.578
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(v)	USD	51.504.745.984	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(vi)	USD	260.794.800.000	299.706.629.722
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	-	132.961.671.917
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	VND	158.935.864.094	168.098.218.328
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	USD	54.387.375.916	-
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	19.331.440.857	-
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	40.417.082.484	85.446.513.628
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(x)	VND	15.641.341.144	266.182.861.076
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(xi)	VND	69.351.316.280	49.229.798.800
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	(xii)	VND	34.847.540.601	-
▪ Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, chi nhánh TP Hồ Chí Minh	(xiii)	USD	15.215.982.408	-
			5.275.925.905.247	5.984.633.062.602

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	31/3/2020	Lãi suất	1/10/2019	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND	2.700 tỷ VND	5,60% - 5,90%	5,50% - 6,30%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phải thu của khách hàng	3,60% hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	1.697 tỷ VND	5,70% - 6,20%	3,60%	Quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho	6,20% hàng tồn kho
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	6,00%	6,00%	Phải thu của khách hàng	6,00%
iv. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	-	6,00%	Hàng tồn kho	6,00%
v. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND USD	40 triệu USD	4,70% - 5,70%	5,80% - 6,15%	Hàng tồn kho, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất	2,90%
vi. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	800 tỷ VND	3,20% - 4,00%	4,20%	Không có tài sản đảm bảo	4,20%
vii. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	-	5,90%	Không có tài sản đảm bảo	5,90%
viii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	9 triệu USD	5,30% - 5,52%	5,90% - 6,19%	Hàng tồn kho	2,03%
ix. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD VND	4 triệu USD	5,40% - 5,50%	3,80%	Không có tài sản đảm bảo	4,20%
x. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	6,40% - 6,50%	6,40% - 6,50%	Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị	6,40% - 6,50%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 31/3/2020	Lãi suất 1/10/2019	Tài sản đảm bảo
xi. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	300 tỷ VND	5,50%	5,50%	Hàng tồn kho
xii. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	VND	120 tỷ VND	5,50%	-	Không có tài sản đảm bảo
xiii. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD	195 tỷ VND	3,70%	-	Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/3/2020	1/10/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	3.217.322.293.278	3.583.459.745.822
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	93.256.195.677	124.502.217.778
	<hr/>	<hr/>
	3.310.578.488.955	3.707.961.963.600
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(752.901.256.823)	(721.830.110.385)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.557.677.232.132	2.986.131.853.215
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2024 – 2026	2.368.218.549.616	2.628.554.307.862
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	2022 – 2023	354.750.862.940	406.350.862.940
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(iii)	VND	2024	311.633.669.442	330.863.669.442
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(iv)	VND	2025 – 2026	137.350.691.493	142.550.691.493
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	2021	44.888.019.787	73.358.614.085
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(vi)	VND	2020	480.500.000	1.781.600.000
				3.217.322.293.278	3.583.459.745.822

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% (1/10/2019: từ 8,8 đến 9%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 9,1% (1/10/2019: từ 7,5% đến 8,7%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 8,95% đến 9,025% (1/10/2019: 8,95% đến 9,025%).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 9% đến 10% (1/10/2019: từ 9% đến 11%).
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 8,8% (1/10/2019: 8,8%).
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 10,10% (1/10/2019: 9,5% đến 10,01%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/3/2020		1/10/2019	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	49.312.127.883	6.858.836.973	61.714.978.238	9.017.291.389
Trong vòng hai đến năm năm	54.112.583.101	3.309.678.334	77.991.799.125	6.187.268.196
	103.424.710.984	10.168.515.307	139.706.777.363	15.204.559.585
				124.502.217.778

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Số dư đầu kỳ	44.902.799.431	41.477.023.767
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 26)	3.613.521.330	4.092.340.379
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết từ chi phí phải trả của năm trước	-	1.713.405.525
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.753.525.100)	(1.282.020.000)
Số dư cuối kỳ	46.762.795.661	46.000.749.671

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Số dư đầu kỳ	2.896.254.250	3.712.433.500
Dự phòng trích lập trong kỳ	334.216.610	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(28.000.000)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(8.859.000)
Số dư cuối kỳ	3.230.470.860	3.675.574.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.055.058.327.742	35.914.177.106	5.151.625.718.925
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	116.356.255.643	(1.699.740)	116.354.555.903
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(272.000.000)	-	-	-	(272.000.000)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.862.860.866)	(4.092.340.379)	-	(4.092.340.379)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(8.862.860.866)
Tăng do tăng tỷ lệ sở hữu từ công ty liên kết	-	-	-	-	18.830.555	1.495.063.793	1.513.894.348
Thành công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(126.055.813)	(29.873.944.187)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.615.000.000)	57.785.400.259	1.161.076.507.179	7.533.596.972	5.226.266.967.931
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	244.995.877.372	21.070.471	245.016.947.843
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	384.791.610.000	-	-	-	(384.791.610.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(844.000.000)	-	-	-	(844.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(2.158.730.124)	-	-	(2.158.730.124)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.021.280.774.551	7.554.667.443	5.468.281.185.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.021.280.774.551	7.554.667.443	5.468.281.185.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	382.966.975.409	(306.565)	382.966.668.844
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(262.000.000)	-	-	-	(262.000.000)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	-	(3.613.521.330)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(6.683.556.156)	-	-	(6.683.556.156)
Hoàn nhập cổ tức đã chia	-	-	-	-	132.604.000	-	132.604.000
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.721.000.000)	54.363.395.974	1.395.346.550.635	7.554.360.878	5.840.821.381.008

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2020		1/10/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.469.489	4.234.694.890.000	423.469.489	4.234.694.890.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	272.100	2.721.000.000	245.900	2.459.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.197.389	4.231.973.890.000	423.223.589	4.232.235.890.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	31/3/2020		31/3/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(26.200)	(262.000.000)	(27.200)	(272.000.000)
Số dư cuối kỳ	423.197.389	4.231.973.890.000	384.828.828	3.848.288.280.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Trong vòng một năm	196.744.844.927	174.713.166.239
Trong vòng hai đến năm năm	734.447.485.722	691.810.008.358
Trên năm năm	714.878.341.598	936.592.994.134
	1.646.070.672.247	1.803.116.168.731

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2020		1/10/2019	
	Nguyên tệ	Trong đương VND	Nguyên tệ	Trong đương VND
USD	7.208.386	164.323.583.800	1.173.918	27.171.115.558
EUR	909	23.303.124	-	-
		164.346.886.924		27.171.115.558

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/3/2020 VND	1/10/2019 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	279.171.113.350	435.509.258.887

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	6.213.357.917.776	7.902.901.038.269
▪ Bán hàng hóa	6.145.483.128.399	6.520.351.961.362
▪ Doanh thu khác	16.845.841.198	56.776.442.657
	12.375.686.887.373	14.480.029.442.288
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	10.638.015.382	13.736.861.641
▪ Giảm giá hàng bán	2.891.114.462	2.654.125.105
▪ Hàng bán bị trả lại	7.348.658.021	6.920.246.921
	20.877.787.865	23.311.233.667
Doanh thu thuần	12.354.809.099.508	14.456.718.208.621

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	4.546.380.965.379	6.892.962.996.666
▪ Hàng hóa đã bán	5.755.824.034.725	6.176.630.524.586
▪ Giá vốn khác	2.372.045.922	9.365.104.462
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	20.386.956.757	(9.988.548.479)
	10.324.964.002.783	13.068.970.077.235

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.491.749.899	815.927.893
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.203.750.000	4.109.927.054
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.245.334.437	21.450.289.057
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.462.942.926
Doanh thu tài chính khác	200.000	1.986.094
	31.941.034.336	31.841.073.024

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	309.650.318.735	382.058.482.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.950.260.216	21.448.581.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.890.883.215	-
Chi phí tài chính khác	573.653.831	233.200.828
	383.065.115.997	403.740.264.217

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	352.559.005.220	249.568.313.648
Chi phí xuất khẩu	181.404.396.755	227.636.328.643
Chi phí vận chuyển	105.438.860.623	80.777.891.737
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.968.817.177	77.335.585.850
Chi phí thuê	81.074.982.805	69.166.214.281
Chi phí quảng cáo	39.487.245.678	49.983.224.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.255.494.510	35.960.214.384
Chi phí khác	94.059.810.686	78.648.552.964
	971.248.613.454	869.076.326.042

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Chi phí nhân viên	105.892.803.132	93.269.933.091
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.295.456.161	34.032.992.834
Chi phí xây dựng khu luyện cán thép	14.727.480.716	-
Chi phí thuê	12.344.648.758	19.967.685.953
Chi phí tiếp khách	7.617.588.639	7.052.798.930
Chi phí công tác	4.627.800.400	3.221.627.565
Chi phí dịch vụ chuyên môn	4.289.690.911	5.176.589.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.238.399.630	35.085.607.288
Chi phí quản lý khác	51.156.607.179	28.051.356.033
	260.190.475.526	225.858.590.702

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	143.578.000.886
Tiền bồi thường thu được	1.330.953.726	4.741.127.663
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	860.445.175
Các khoản khác	12.790.422.676	99.374.222.199
	14.121.376.402	248.553.795.923

36. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	2.975.277.350	-
Các khoản khác	6.576.797.336	21.160.367.318
	9.552.074.686	21.160.367.318

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.952.791.286.229	11.635.543.312.039
Chi phí nhân công và nhân viên	589.406.684.249	470.698.960.808
Chi phí khấu hao và phân bổ	616.012.527.645	563.663.248.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.832.733.222	801.702.817.414
Chi phí khác	468.211.005.063	425.167.047.393

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	99.753.258.668	54.399.032.976
Dự phòng thừa những năm trước	-	(9.101.584.118)
	99.753.258.668	45.297.448.858
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(30.868.699.712)	(13.344.552.707)
	68.884.558.956	31.952.896.151

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	451.851.227.800	148.307.452.054
Thuế theo thuế suất của Công ty	90.370.245.560	29.661.490.411
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(15.140.191.856)	1.433.500.916
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.861.725.462	4.586.378.193
Ưu đãi thuế	(23.590.778.211)	(8.547.956.418)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	6.400.080.009	14.811.951.400
Lỗi tính thuế được sử dụng	(5.016.522.008)	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(9.101.584.118)
Điều chỉnh khác	-	(890.884.233)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.884.558.956	31.952.896.151

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	382.966.975.409	116.356.255.643
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(15.318.679.016)	(4.654.250.226)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	367.648.296.393	111.702.005.417

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong kỳ của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	423.223.589	384.856.028
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ	(4.031)	(13.230)
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sau ngày 31 tháng 3 năm 2019	-	38.479.161
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Thuyết minh 42) (**)	21.155.724	21.161.179
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	444.375.282	444.483.138

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	31/3/2020	31/3/2019	31/3/2019
	VND	VND	VND
	Được điều chỉnh lại (**)	Theo báo cáo trước đây	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	827	251	264

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(**) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ. Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường sau ngày 31 tháng 3 năm 2020 làm giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 từ 264 VND/cổ phiếu xuống 251 VND/cổ phiếu.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020 VND	31/3/2019 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.540.534.771.474	2.512.166.884.861
Mua hàng hóa và thành phẩm	-	424.944.911.133
Doanh thu cho thuê tài sản	1.435.936.905	2.889.246.522
Bán khác	169.168.755	2.848.802.937
Bán tài sản cố định	-	33.380.244.272
Mua tài sản cố định	-	124.733.458.000
Mua công cụ, dụng cụ	4.281.261.820	28.620.455.838
Chiết khấu thương mại	1.859.005.500	1.080.149.746
Hàng bán bị trả lại	3.062.017.304	1.168.948.130
Giảm giá hàng bán	154.727.273	22.609.136
Phí vận chuyển	29.610.047.054	16.778.748.763
Thuê hoạt động	314.053.742	3.340.688.498
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Phí vận chuyển	18.055.517.478	20.675.612.661
Doanh thu cho thuê tài sản	108.000.000	180.000.000
Các bên liên quan khác		
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.549.158.313	6.951.476.400
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.170.000.000	1.170.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2020	31/3/2019
	VND	VND
Chuyển đổi phải thu để tăng tỷ lệ sở hữu	-	68.564.000.000
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	68.698.351.911	174.866.812.780

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 và trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

43. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, vào ngày 29 tháng 4 năm 2020, Công ty công bố một khoản cổ tức là 211.557 triệu VND được chi trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 20 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Ngoài việc ảnh hưởng đến việc tính toán và thuyết minh lãi cơ bản trên cổ phiếu (Thuyết minh 38), số cổ tức chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

